

THỜI KHOÁ BIỂU NĂM HỌC 2025 - 2026
Tuần 17: từ ngày 08/12/2025 đến ngày 14/12/2025

THỨ LỚP		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
K10-DVTY P.E201	Sáng	KTNPTB cho trâu bò (Phượng) 2	KTNPTB cho gia cầm (Hoà) 2	KTNPTB cho trâu bò (Phượng) 2	KTNPTB cho gia cầm (Hoà) 2	KTNPTB cho trâu bò (Phượng) 2
		KTNPTB cho gia cầm (Hoà) 2	KTNPTB cho trâu bò (Phượng) 2	KTNPTB cho gia cầm (Hoà) 2	KTNPTB cho trâu bò (Phượng) 2	KTNPTB cho gia cầm (Hoà) 2
		<i>Sinh hoạt lớp (Duyên)</i> 1	KTNPTN cho chó mèo (Lệ) 2	CĐ và ĐTH thú y (Vân) 2	Luật thú y (Nga) 2	Quản trị kinh doanh (Hoa) 2
	Chiều	PP thí nghiệm (Hằng) 3	Quản trị kinh doanh (Hoa) 2	KTNPTN cho chó mèo (Lệ) 2	CĐ và ĐTH thú y (Vân) 2	Luật thú y (Nga) 2
K11-DVTY P.E303	Sáng					
		<i>Sinh hoạt lớp (Quyên)</i> 1	Quản trị kinh doanh (Hoa) 2	Quản trị kinh doanh (Hoa) 2	KTTG (Nga) 2	PP thí nghiệm (Phượng) 2
	Chiều	Luật thú y (Nga) 3	CĐ và ĐTH thú y (Vân) 2	CĐ và ĐTH thú y (Vân) 2	Luật thú y (Nga) 2	Quản trị kinh doanh (Hoa) 2
K11-KTDN P.E305	Sáng		Lý thuyết KT (Q.Mai) 2		Lý thuyết KT (Q.Mai) 2	
			Anh văn CN (Phiên) 2		Anh văn CN (Phiên) 2	
		<i>Sinh hoạt lớp (Thúy)</i> 1				
	Chiều	KTNSXP (Hoa) 3				
CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY						
TT64A1 P.B102	Sáng					
		<i>Sinh hoạt lớp (Bình)</i> 1	Khí tượng NN (Lịch) 2	CBBQ sau thu hoạch (Huyền) 2	Phòng trừ dịch hại (Triệu) 2	Khí tượng NN (Lịch) 2
	Chiều	CBBQ sau thu hoạch (Huyền) 3	Phòng trừ dịch hại (Triệu) 2	Cây dược liệu (Bình) 2	Bệnh cây CK (Hương) 2	Cây rau (Huệ) 2
TT65A1 P.B201	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Hương)</i> 1	Tin học (Thoa) 4	Côn trùng đại cương (Hương) 2	Côn trùng đại cương (Hương) 2	Khuyến nông (Huệ) 2
		Đất trồng phân bón (Hương) 3		Giống cây trồng (Huyền) 2	Khuyến nông (Huệ) 2	Giống cây trồng (Huyền) 2
	Chiều					
TT65A3 P.B102	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Huyền)</i> 1	Khuyến nông (Thọ) 4	Khuyến nông (Thọ) 2	Tin học (Thoa) 4	Côn trùng đại cương (Lịch) 4
		Côn trùng đại cương (Lịch) 3		Côn trùng đại cương (Lịch) 2		
	Chiều	<i>Các môn GD chính trị, Pháp luật, GDTC học ghép cùng lớp TT65A1</i>				
CN64A1 P.E203	Sáng					
		<i>Sinh hoạt lớp (Hoà)</i> 1	Trồng trọt cơ bản (Huyền) 2	KTNPTN cho chó mèo (Lệ) 2	KTNPTB cho trâu bò (Vân) 2	Trồng trọt cơ bản (Huyền) 2
	Chiều	KTNPTB cho gà vịt (Hoà) 3	KTNPTN cho chó mèo (Lệ) 2	Trồng trọt cơ bản (Huyền) 2	KTNPTB cho lợn (Hưng) 2	Ký sinh trùng (Phượng) 2
CN65A1 P.B202	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Lệ)</i> 1	Dược lý thú y (Lệ) 2	Pháp luật (Huyền) 2	Dược lý thú y (Lệ) 2	Giải phẫu sinh lý VN (Hằng) 2
		KTTG (Quyên) 3	GD chính trị (Tài) 2	GDTC (Thúy) 2	Giải phẫu sinh lý VN (Hằng) 2	Dược lý thú y (Lệ) 2
	Chiều					

CN65A3 P.B203	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (H.Nga)</i> 1	Dược lý thú y (Duyên) 2	Dược lý thú y (Duyên) 2	Giải phẫu sinh lý VN (Hằng) 2	Dược lý thú y (Duyên) 2
		GD chính trị (Quế) 3	GDTC (Hội) 2	KTTG (Nga) 2	Dược lý thú y (Duyên) 2	Giải phẫu sinh lý VN (Hằng) 2
	Chiều					
CN65A4 P.E304	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Vân)</i> 1	Giải phẫu sinh lý VN (Hằng) 2	KTTG (Nga) 2	KTTG (Nga) 2	Dược lý thú y (Lệ) 2
		Dược lý thú y (Lệ) 3	Dược lý thú y (Lệ) 2	Giải phẫu sinh lý VN (Hằng) 2	Dược lý thú y (Lệ) 2	GDTC (Hà) 2
	Chiều					
LN65A	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Lịch)</i> 1	Tin học (Thoa) 4	Vườn ươm cây giống (Hùng) 2	Sinh thái rừng và MT (Tuyết) 2	Sinh thái rừng và MT (Tuyết) 2
		Sinh thái rừng và MT (Tuyết) 3		Sinh thái rừng và MT (Tuyết) 2	Vườn ươm cây giống (Hùng) 2	Vườn ươm cây giống (Hùng) 2
	Chiều	<i>Các môn Tin học, GD chính trị, Pháp luật, GDTC học ghép cùng lớp TT65A1</i>				
KTDN64A1 P.E202	Sáng					
		<i>Sinh hoạt lớp (Hoa)</i> 1	TH KT trong DNSX (T.Thảo) 4		Kế toán DN2 (P.Thảo) 4	TH KT trong DNSX (T.Thảo) 4
	Chiều	TH KT trong DNSX (T.Thảo) 3				
KTDN64A2 P.E204	Sáng					
		<i>Sinh hoạt lớp (Thuý)</i> 1	TH KT trong DNSX (Mai) 4	TH KT trong DNSX (Mai) 4	TH KT trong DNSX (Mai) 4	
	Chiều	KTNSXP (Hoa) 3				
KTDN65A1 P.B103	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Dung)</i> 1	Lý thuyết KT (Q.Mai) 2	Tiếng anh (Linh) 2	Lý thuyết KT (Q.Mai) 2	GD chính trị (Quế) 2
		Kinh tế vi mô (Thuý) 3	Tiếng anh (Linh) 2	GD chính trị (Quế) 2	GDTC (Hội) 2	Tiếng anh (Linh) 2
	Chiều		GDTC (Hội) 4			
KTDN65A2 P.B104	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (P.Thảo)</i> 1	Lý thuyết KT (P.Thảo) 2	Nguyên lý thống kê (Hoa) 2	Kinh tế vi mô (Thuý) 2	Kinh tế vi mô (Thuý) 2
		Tiếng anh (K.Nhung) 3	Pháp luật (Huyền) 2	Kỹ năng mềm (Sơn) 2	GD chính trị (Thắm) 2	Kỹ năng mềm (Sơn) 2
	Chiều					Tiếng anh (K.Nhung) 4
CNTT64A1 P.TH	Sáng					
		<i>Sinh hoạt lớp (Quang)</i> 1	Lập trình Windown (Thảo) 4	QTCSDL với Access (Phuong)	Lập trình Windown (Thảo) 4	Lập trình Windown (Thảo) 4
	Chiều	XD và QL Website (Quang) 3				
CNTT64A2 P.TH	Sáng					
		<i>Sinh hoạt lớp (T.Thảo)</i> 1	XD và QL Website (Quang) 4	XD và QL Website (Quang) 4	QTCSDL với Access (Phuong) 4	XDPM Quản lý bán hàng (Hà) 4
	Chiều	Lập trình Windown (Thảo) 3				
CNTT65A1 P.B205	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Hà)</i> 1	Tin học VP (Tâm) 4	Kỹ năng mềm (Sơn) 2	Tin học VP (Tâm) 4	Tiếng anh (K.Nhung) 2
		Bảng tính Excel (Hà) 3		Tiếng anh (K.Nhung) 2		GDTC (Thuý) 2
	Chiều					
CNTT65A2 P.B204	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Phuong)</i> 1	Kỹ năng mềm (Sơn) 2	GD chính trị (Quế) 2	Tin học VP (Phuong) 4	Bảng tính Excel (Hà) 4
		Tin học VP (Phuong) 3	GD chính trị (Quế) 2	Tiếng anh (Linh) 2		
	Chiều					

ĐCN64A1 P.E103	Sáng						
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Tuần)</i> 1 Cung cấp điện (Tuần) 3	Kỹ thuật điện tử (P.Anh) 2 Trang bị điện (Nga) 2	Trang bị điện (Nga) 2 Kỹ thuật điện tử (P.Anh) 2	Cung cấp điện (Tuần) 2 Kỹ thuật điện tử (P.Anh) 2		
ĐCN64A2 P.E104	Sáng						
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Giáp)</i> 1 Trang bị điện (Đ.Đức) 3	KT máy lạnh và ĐHKK (Giáp) 2 Cung cấp điện (Tuần) 2	Cung cấp điện (Tuần) 2 KT máy lạnh và ĐHKK (Giáp) 2		KT máy lạnh và ĐHKK (Giáp) 4	
ĐCN64A3 P.E102	Sáng						
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Hoà)</i> 1 KT máy lạnh và ĐHKK (Giáp) 3	Kỹ thuật điện tử (Tuần) 2 KT máy lạnh và ĐHKK (Giáp) 2	KT máy lạnh và ĐHKK (Giáp) 2 Trang bị điện (Nga) 2	KT máy lạnh và ĐHKK (Giáp) 4		
ĐCN 64B	Sáng						
	Chiều		<i>Sinh hoạt lớp (Huyền)</i> 1 Trang bị điện (Đ.Đức) 3	Trang bị điện (Đ.Đức) 4 Kỹ thuật điện tử (Dương) 2	Trang bị điện (Đ.Đức) 2	Trang bị điện (Đ.Đức) 4	
ĐCN65A1 P.E303	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Đ.Đức)</i> 1 Tiếng anh (Phiên) 3	Vẽ Kỹ thuật điện (P.Anh) 2 Mạch điện (Huyền) 2	Mạch điện (Huyền) 2 Vật liệu điện (N.Đức) 2	Vật liệu điện (N.Đức) 2 Pháp luật (Nga) 2	Mạch điện (Huyền) 2 Tiếng anh (Phiên) 2	
	Chiều						
ĐCN65A2 P.E302	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Tiến)</i> 1 Tiếng anh (T.Nhung) 3	Mạch điện (Huyền) 2 An toàn điện (Hoà) 2	Vật liệu điện (N.Đức) 2 Mạch điện (Huyền) 2	Mạch điện (Huyền) 2 Tiếng anh (T.Nhung) 2	An toàn điện (Hoà) 2 Pháp luật (Huyền) 2	
	Chiều						
ĐCN65B1	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Huân)</i> 1 Vẽ KT điện (N.Đức) 3		Mạch điện (Dương) 4	Tin học (Quang) 4	Tiếng anh (T.Nhung) 2 Mạch điện (Dương) 2	
	Chiều						
ĐCN65B2 P.E301	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Dương)</i> 1 Pháp luật (Huyền) 3	Tiếng anh (Linh) 2 Mạch điện (Dương) 2	Giáo dục QP - AN (Mạnh) 4	Tiếng anh (Linh) 2 Vẽ Kỹ thuật điện (N.Đức) 2	Giáo dục QP - AN (Mạnh) 4	
	Chiều				Giáo dục QP - AN (Mạnh) 4		
ĐCN65B3 P.E101	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Nga)</i> 1 Giáo dục QP - AN (Mạnh) 3	Giáo dục QP - AN (Mạnh) 4	Tiếng anh (K.Nhung) 2 Vẽ Kỹ thuật điện (P.Anh) 2	Giáo dục QP - AN (Mạnh) 4	Khí cụ điện (Nga) 2 Mạch điện (Huyền) 2	
	Chiều						
TL64	Sáng						
	Chiều		<i>Sinh hoạt lớp (N.Đức)</i> 1 KTTC Công trình TL (N.Đức) 3				
TL65	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (N.Đức)</i> 1 KT cơ sở (Huyền) 3	Vật liệu (N.Đức) 4	Thủy văn (Hoà) 4	Tin học (Quang) 4	Tiếng anh (T.Nhung) 2 Thủy văn (Hoà) 2	
	Chiều						

KTDN64B	Sáng						
	Chiều		Kế toán DN2 (Dung) 4	Thuế (T.Thảo) 4	Thuế (T.Thảo) 4	<i>Sinh hoạt lớp (Mai)</i> 1 THKT trong DNSX (Mai) 3	
KTDN65B	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (T.Thảo)</i> 1 Nguyên lý thống kê (Mai) 3	Kinh tế vi mô (Thuý) 2 Kỹ năng mềm (Dung) 2	Kinh tế vi mô (Thuý) 2 Lý thuyết kế toán (T.Thảo) 2	Tin học (Quang) 4	Tiếng anh (T.Nhung) 2 Kỹ năng mềm (Dung) 2	
	Chiều						
CBBQ64	Sáng						
	Chiều		<i>Sinh hoạt lớp (Liên)</i> 1 Phụ gia TP (Liên) 3	Kỹ thuật điện (Năm) 3	Phụ gia TP (Liên) 3	Phụ gia TP (Liên) 3	
CBBQ65	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Liên)</i> 1 KT lạnh cơ sở (Năm) 3	An toàn lao động (Liên) 3	An toàn lao động (Liên) 3	Tin học (Quang) 4	Tiếng anh (T.Nhung) 2 An toàn lao động (Liên) 2	
	Chiều						
KTMTT64	Sáng						
	Chiều		<i>Sinh hoạt lớp (Năm)</i> 1 BD, SCTB trên boong (Trung) 3	BD, SC thiết bị trên boong 3 (Trung)	Khai thác nồi hơi TT 3 (Đồng)	BD, SC thiết bị trên boong 3 (Trung)	
KTMTT65	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Năm)</i> 1 Vẽ kỹ thuật (Trung) 3	Vẽ kỹ thuật (Trung) 4	Vẽ kỹ thuật (Trung) 4	Tin học (Quang) 4	Tiếng anh (T.Nhung) 2 Lý thuyết tàu (Trung) 2	
	Chiều						
NTTS64	Sáng						
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Liên)</i> 1 Vận chuyển ĐVTS (Năm) 3	SX giống tôm thẻ chân trắng 3 (Ánh)	SX giống tôm thẻ chân trắng 3 (Ánh)	SX giống tôm thẻ chân trắng 3 (Ánh)	SX giống tôm thẻ chân trắng 3 (Ánh)	
ĐKTB65	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Ánh)</i> 1 Vẽ kỹ thuật (Trung) 4	Vẽ kỹ thuật (Trung) 4	Vẽ kỹ thuật (Trung) 4	Tin học (Quang) 4	Tiếng anh (T.Nhung) 2 Lý thuyết tàu (Trung) 2	
	Chiều						
CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY HỌC CUỐI TUẦN							
THỨ LỚP		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật	
TT64A2	Sáng			<i>Sinh hoạt lớp (Lịch)</i> 1 Phòng trừ dịch hại (Lịch) 4		Phòng trừ dịch hại (Lịch) 4	
	Chiều			CBBQ sau thu hoạch (Huyền) 4		CBBQ sau thu hoạch (Huyền) 4	
TT64A3 TT65A2 P.B204	Sáng			<i>Sinh hoạt lớp (Huệ)</i> 1 Côn trùng chuyên khoa (Huệ) 4		Khuyến nông (Thọ) 4	
	Chiều	Cây lương thực (Bình) 4		Thủy nông (Lịch) 4		Thủy nông (Lịch) 4	

CN64A2	Sáng	KTNPTB cho gà vịt (Quyên)	4	Sinh hoạt lớp (Phượng)	1	KTTG (Vân)	4
CN65A2				VSV - TN (Phượng)	4		
P.B205	Chiều	Khuyến nông (Triệu)	4	VSV - TN (Phượng)	4	Khuyến nông (Triệu)	4
K9-ĐCN	Sáng			Sinh hoạt lớp (Đ.Đức)	1	Cơ kỹ thuật (Dương)	4
				Máy biến áp (Đ.Đức)	4		
	Chiều			Máy biến áp (Đ.Đức)	4	Cơ kỹ thuật (Dương)	4

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Đoàn Văn Lưu

THỜI KHOÁ BIỂU NĂM HỌC 2025 - 2026
CÁC LỚP HỌC CHƯƠNG TRÌNH GDTX CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
Từ ngày 08/12/2025 đến ngày 14/12/2025

THỨ LỚP		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
VH63B1	Sáng	HĐTN (Nhưng) 1 Toán (Nhưng) 3	Ngữ văn (Hằng) 2 Hoá học (Doan) 2	CĐ Địa lý (Thuý) 2 GDKT và PL (Đ. Thuý) 2	Lịch sử (Hà) 2 CĐ Ngữ văn (Hằng) 2	
	Chiều		Địa lý (Thuý) 4	Ngữ văn (Hằng) 4	GDKT và PL (Đ. Thuý) 4	Toán (Nhưng) 4
VH63B3 P.B302	Sáng	HĐTN (Hà) 1 Toán (Lan Anh) 3	Lịch sử (Dự) 2 Địa lý (Phượng) 2	CĐ Lịch sử (Dự) 2 Sinh học (Phượng) 2	GDKT và PL (Quế) 2 CĐ Địa lý (Phượng) 2	CĐ Ngữ văn (Hằng) 2 Ngữ văn (Hằng) 2
	Chiều		Ngữ văn (Hằng) 4	Lịch sử (Dự) 4	Toán (Lan Anh) 4	GDKT và PL (Quế) 4
VH63B4 P.B303	Sáng	HĐTN (Dự) 1 Lịch sử (Dự) 3	Toán (Nhưng) 2 Địa lý (Lực) 2	Toán (Nhưng) 2 CĐ Ngữ văn (H.Hà) 2	Địa lý (Lực) 2 Sinh học (Phượng) 2	GDKT và PL (Quyên) 2 Sinh học (Phượng) 2
	Chiều		Toán (Nhưng) 4	Ngữ văn (H.Hà) 4	Lịch sử (Dự) 4	GDKT và PL (Quyên) 4
VH63B6 P.B304	Sáng	HĐTN (Hoà) 1 Hoá học (Vân) 3	Địa lý (Lực) 2 GDKT và PL (Tài) 2	GDKT và PL (Tài) 4	Vật lý (Hoà) 2 CĐ Địa lý (Lực) 2	CĐ Lịch sử (Lý) 2 Toán (Nhưng) 2
	Chiều	Toán (Nhưng) 4	Lịch sử (Lý) 4	Ngữ văn (Hường) 4		
VH63B7 P.B305	Sáng	HĐTN (Nga) 1 Địa lý (Ngọc) 3	Toán (Quý) 2 Hoá học (Vân) 2	Ngữ văn (H.Hà) 2 Vật lý (Hoà) 2	GDKT và PL (Nga) 2 CĐ Ngữ văn (H.Hà) 2	Địa lý (Ngọc) 2 CĐ Lịch sử (Lý) 2
	Chiều	Ngữ văn (H.Hà) 4	GDKT và PL (Nga) 4	Địa lý (Ngọc) 4		Toán (Quý) 4
VH63B8 P.B301	Sáng	HĐTN (K.Nhung) 1 Địa lý (Lực) 3	Ngữ văn (Hường) 2 Vật lý (Hoà) 2	GDKT và PL (Quyên) 2 Lịch sử (Dự) 2	CĐ Lịch sử (Dự) 2 CĐ Ngữ văn (Hường) 2	Địa lý (Lực) 2 Toán (Quý) 2
	Chiều	Lịch sử (Dự) 4	GDKT và PL (Quyên) 4		Toán (Quý) 4	Ngữ văn (Hường) 4

VH64B1	Sáng	HĐTN (Hàng) Địa lý (Thuý) CD Lịch sử (Hà)	1 3 4	Hoá học (Doan) GDKT và PL (Thuý)	2 2	Ngữ văn (Hàng) CD Địa lý (Thuý)	2 2	CD Ngữ văn (Hàng) Toán (Nhưng)	2 2	Vật lý (Son)	4
	Chiều										
VH64B3 P.B306	Sáng	HĐTN (Vân) Hoá học (Vân)	1 3	CD GDKT và PL (Quyên) Ngữ văn (Hường)	2 2	CD Ngữ văn (Hường) Toán (Dương)	2 2	CD Địa lý (Thuý)	4	Hoá học (Vân) Vật lý (Hoà)	2 2
VH64B4 P.E201	Sáng	HĐTN (H.Nga) Vật lý (Trung)	1 3	GDKT và PL (Thắm) Toán (Nhưng)	2 2	CD Ngữ văn (Hà)	4	GDKT và PL (Thắm) CD Địa lý (Nga)	2 2	Toán (Nhưng) CD GDKT và PL (Thắm)	2 2
VH64B5 P.E202	Sáng	HĐTN (Dương) Toán (Dương)	1 3	Ngữ văn (Chi)	4	Địa lý (Lực) GDKT và PL (Quyên)	2 2	CD Ngữ văn (Chi)	4	Vật lý (Hoà) Hoá học (Hà)	2 2
VH64B6 P. E204	Sáng	HĐTN (H. Hà) Hoá học (Hà)	1 3	Sinh học (Phượng) CD Ngữ văn (H.Hà)	4	Toán (Quý) Ngữ văn (H.Hà)	2 2	GDKT và PL (Quyên) CD Lịch sử (Hằng)	2 2	Toán (Quý) GDKT và PL (Quyên)	2 2
VH64B8 P.E203	Sáng	HĐTN (Phiên) Ngữ văn (Lý)	1 3	Hoá học (Vân) Sinh học (Phượng)	2 2	Hoá học (Vân) Địa lý (Lực)	2 2			CD Lịch sử (Dự) CD Địa lý (Lực)	2 2
VH65B1	Chiều	HĐTN (Thuý) Vật lý (Son)	1 3	Toán (Hương) CD GDKT và PL (Thuý)	2 2	GDKT và PL (Thuý) Toán (Hương)	2 2	Ngữ văn (Hằng)	4	Lịch sử (Hà) CD Lịch sử (Hà)	2 2
VH65B2 P.E302	Chiều	HĐTN (Quyên) GDKT và PL (Quyên) CD GDKT và PL (Quyên)	1 1 2	Toán (Dương) CD Ngữ văn (H.Hà)	2 2	Toán (Dương) CD GDKT và PL (Quyên)	2 2	CD Ngữ văn (H.Hà) Hóa học (Hà)	2 2	Ngữ văn (H.Hà) Hóa học (Hà)	2 2
VH65B3 P.E301	Chiều	HĐTN (Quý) Vật lý (Trung)	1 3	CD Lịch sử (Dự) CD GDKT và PL (Thắm)	2 2	GDKT và PL (Thắm) Địa lý (Phương)	2 2			CD Ngữ văn (Lý)	4
VH65B4 P.E101	Chiều	HĐTN (Mạnh) Ngữ văn (Chi)	1 3	Địa lý (Lực) Toán (Quý)	2 2	Vật lý (Trung) GDKT và PL (Nga)	2 2	Địa lý (Lực) Hoá học (Vân)	2 2	CD lịch sử (Hằng) CD Ngữ văn (Chi)	2 2

VH65B5 P.B205	Chiều	HĐTN (Lực) Toán (Dương)	1 3	Sinh học (Phượng) CĐ Ngữ văn (Hà)	2 2	CĐ GDKT và PL (Nga) Địa lý (Lực)	2 2	CĐ Lịch sử (Hằng) CĐ Ngữ văn (Hà)	2 2	GDKT và PL (Nga) Vật lý (Hoà)	2 2
VH65B6 P.B204	Chiều	HĐTN (Linh) Sinh học (Phượng)	1 3	CĐ GDKT và PL (Thắm) CĐ Ngữ văn (Chi)	4 3	CĐ Ngữ văn (Chi) CĐ GDKT và PL (Thắm)	4 2	Vật lý (Trung) CĐ Lịch sử (Hằng)	2 2	GDKT và PL (Thắm) CĐ lịch sử (Hằng)	2 2
VH65B7 P.B104	Chiều	HĐTN (Phượng) Ngữ văn (Lý)	1 3	Toán (L.Anh) CĐ Địa lý (Phượng)	2 2	Địa lý (Phượng) Sinh học (Phượng)	2 2	Ngữ văn (Lý)	4		
VH65B8 P.B202	Chiều	HĐTN (Hường) Ngữ văn (Hường)	1 3	CĐ Ngữ văn (Hường)	4	Sinh học (Phượng) Hoá học (Hà)	2 2	CĐ GDKT và PL (Quyên) CĐ Địa lý (Lực)	2 2	Toán (L.Anh)	4
VH65B9 P.B203	Chiều	HĐTN (Hồng) Toán (Lan Anh)	1 3	Ngữ văn (Chi) Toán (Lan Anh)	2 2	Hoá học (Hà) Ngữ văn (Chi)	2 2	Hoá học (Hà) GDKT và PL (Thắm)	2 2	Ngữ văn (Chi) CĐ Địa lý (Phượng)	2 2
VH65B10 P.B103	Chiều	HĐTN (Thắm) GDKT và PL (Thắm)	1 3			CĐ Địa lý (Thủy)	4	Sinh học (Hồng) Toán (Dương)	2 2	Sinh học (Hồng) GDKT và PL (Thắm)	2 2
VH65B11 P.B201	Chiều	HĐTN (Quế) GDKT và PL (Quế)	1 3	Ngữ văn (Hà) Toán (Dương)	2 2	Sinh học (Hồng) Địa lý (Nga)	2 2	Ngữ văn (Hà) Sinh học (Hồng)	2 2	Hoá học (Vân) CĐ Địa lý (Nga)	2 2

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Đoàn Văn Lưu